

**KHẢO SÁT KIẾN THỨC VÀ THÁI ĐỘ
CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
VỀ PHÂN LOẠI CHẤT THẢI RẮN Y TẾ NĂM 2023**

Ngô Lê Hoàng Giang^{1}*

Tóm tắt

Mục tiêu: Khảo sát kiến thức, thái độ và một số yếu tố liên quan của sinh viên điều dưỡng (SVDD) Trường Đại học Trà Vinh về phân loại chất thải rắn y tế (CTRYT) năm 2023. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 351 SVDD tại Trường Đại học Trà Vinh. Công cụ thu thập số liệu là bộ câu hỏi dựa trên công cụ đánh giá kiến thức, thái độ về phân loại chất thải rắn của sinh viên y khoa. Điều tra viên sẽ phát vấn và giải thích về các nội dung của bộ câu hỏi, kế hoạch thu thập số liệu, và lựa chọn các đối tượng nghiên cứu theo tiêu chuẩn từng ngày điều tra. Sau đó, điều tra viên nộp phiếu điều tra là bộ câu hỏi phát vấn đã được đối tượng trả lời cho giám sát viên. **Kết quả:** Kiến thức đạt về phân loại CTRYT (90,3%), thái độ tích cực (94,9%) và thực hành đạt (67,5%). Kiến thức phân loại CTRYT của sinh viên có liên quan đến giới tính và năm học ($p < 0,05$); thái độ phân loại CTRYT của sinh viên có liên quan đến nguồn thông tin từ nhà trường và bệnh viện ($p < 0,05$). **Kết luận:** Tỷ lệ kiến thức, thái độ của SVDD Trường Đại học Trà Vinh về phân loại CTRYT là tương đối cao. Có mối liên quan giữa đặc điểm chung với kiến thức, thái độ giúp SVDD nâng cao kiến thức, thái độ phân loại CTRYT một cách có hiệu quả.

Từ khóa: Chất thải rắn y tế; Sinh viên điều dưỡng; Đại học Trà Vinh.

**KNOWLEDGE AND ATTITUDES OF NURSING STUDENTS
AT TRA VINH UNIVERSITY ABOUT THE CLASSIFICATION
OF MEDICAL SOLID WASTE IN 2023**

Abstract

Objectives: To survey the knowledge and attitudes of nursing students at Tra Vinh University about the classification of medical solid waste in 2023.

¹Đại học Trà Vinh

*Tác giả liên hệ: Ngô Lê Hoàng Giang (hgiang80@tvu.edu.vn)

Ngày nhận bài: 01/12/2023

Ngày được chấp nhận đăng: 26/3/2024

<http://doi.org/10.56535/jmpm.v49i5.572>

Methods: A cross-sectional descriptive study on 351 nursing students from Tra Vinh University. The data collection tool is a questionnaire based on the assessment tool of knowledge and attitudes about solid waste classification of medical students. Investigators will distribute and explain the contents of the questionnaire, data collection plan, and select research subjects according to the criteria of each survey day. After that, investigators submit the survey form which are the questionnaires answered by subjects for the supervisors. **Results:** Knowledge was achieved about medical solid waste classification (90.3%), positive attitude (94.9%), and practice (67.5%). The knowledge of medical solid waste classification of students was related to gender and academic year ($p < 0.05$); the attitude of students' medical solid waste classification was related to information sources from schools and hospitals ($p < 0.05$). **Conclusion:** The study shows that the rate of knowledge and attitudes of nursing students at Tra Vinh University about medical solid waste classification is relatively high; practice is at an acceptable level. The study also found a correlation between general characteristics with knowledge and attitudes to help nursing students improve their knowledge and attitudes about effective medical solid waste classification.

Keywords: Medical solid waste; Nursing students; Tra Vinh University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Chất thải rắn y tế là nguồn ô nhiễm tiềm ẩn nhiều nguy cơ lây nhiễm bệnh cho nhân viên y tế, người bệnh và cộng đồng. Việc phân loại CTRYT đúng cách là bước đầu tiên để giảm thiểu thiệt hại và chi phí xử lý [3]. Theo Bộ Y tế, lượng CTRYT tại Việt Nam ngày càng tăng, ước tính đến năm 2020 là trên 800 tấn/ngày, trong đó có 47 tấn CTRYT nguy hại [7]. Tổng lượng chất thải y tế (CTYT) phát sinh tại mỗi bệnh viện trung bình là 1,77kg/giường bệnh/ngày, trong đó CTYT thông thường

chiếm tỷ trọng cao nhất, tiếp đến là CTYT lây nhiễm và thấp nhất là CTYT nguy hại không lây nhiễm [5]. SVĐD là những người làm phát sinh ra chất thải và cũng là người phải phân loại và thu gom vào nơi quy định. Sinh viên có kiến thức, thái độ và thực hành tốt về phân loại CTRYT là rất cần thiết, góp phần phòng tránh lây truyền bệnh, bảo vệ chính mình và người bệnh. Do đó, chúng tôi tiến hành thực hiện nghiên cứu nhằm: *Khảo sát kiến thức, thái độ của SVĐD Trường Đại học Trà Vinh về việc phân loại CTRYT năm 2023.*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

351 SVDD tại Trường Đại Học Trà Vinh từ ngày 18/5 - 28/7/2023

* *Tiêu chuẩn lựa chọn*: Chọn mẫu toàn bộ SVDD thỏa mãn các tiêu chí chọn mẫu gồm: Sinh viên ngành Điều dưỡng hệ chính quy năm thứ 3 và thứ 4; Đồng ý tham gia nghiên cứu.

* *Tiêu chuẩn loại trừ*: Sinh viên không có mặt tại trường trong thời gian nghiên cứu (tạm nghỉ học, trao đổi sinh viên ngoài trường).

2. Phương pháp nghiên cứu

* *Thiết kế nghiên cứu*: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

* *Địa điểm nghiên cứu*: Trường Đại Học Trà Vinh.

* *Kỹ thuật chọn mẫu*: Ngẫu nhiên thuận tiện.

* *Cỡ mẫu*:

Cỡ mẫu được tính dựa trên công thức:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

n: Cỡ mẫu nghiên cứu cần có.

$Z_{1-\alpha/2}^2 = (1,96)^2$ Hệ số tin cậy bằng 95%, $\alpha = 0,05$.

d: Là mức độ chính xác của nghiên cứu, là sự khác biệt giữa tỷ lệ p thu được trên mẫu và tỷ lệ p thật trong quần thể (sai số ước lượng) lấy $d = 0,05$.

p: Tỷ lệ có kiến thức đúng về CTYT nguy hại không lây nhiễm (gồm hóa chất và dược phẩm thải bỏ, thiết bị y tế vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân hoặc kim loại nặng) của sinh viên hệ bác sĩ năm 3 và năm 5 của trường Đại học Y Hà Nội theo nghiên cứu của tác giả Trần Quỳnh Anh năm 2021 [2], tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về các loại CTYT nguy hại không lây nhiễm là 35,3%, với công thức này, chúng tôi đã thu thập được 351 sinh viên tham gia nghiên cứu.

Công cụ thu thập số liệu là bộ câu hỏi gồm 42 câu dựa trên công cụ đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành về phân loại chất thải rắn của sinh viên y khoa tác giả Trần Quỳnh Anh năm 2021 [2]. Bộ câu hỏi gồm 4 phần đặc điểm chung, kiến thức, thái độ, thực hành về phân loại CTRYT. Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, sai 0 điểm.

- Kiến thức và sự hiểu biết của sinh viên về phân loại CTRYT: Mỗi câu hỏi đối tượng trả lời đúng được 1 điểm, trả lời sai là 0 điểm. Điểm thấp nhất là 0 điểm và điểm cao nhất là 13 điểm câu hỏi bao gồm có 25 đáp án đúng tương đương với điểm và kiến thức của SVDD được chia làm 2 mức: Đạt (≥ 13), không đạt (< 13).

- Phần thái độ về CTRYT: Gồm 4 câu hỏi, có 4 đáp án tương đương với 4 thái độ tích cực và thái độ của SVDD được chia làm 2 mức độ: Thái độ tích cực (≥ 2) và thái độ không tích cực (< 2).

- Kỹ thuật thu thập số liệu: Điều tra viên sẽ phát vấn và giải thích về các nội dung của bộ câu hỏi, kế hoạch thu thập số liệu và lựa chọn các đối tượng nghiên cứu theo tiêu chuẩn từng ngày điều tra.

* *Xử lý số liệu*: Số liệu sau khi được thu thập thông tin, số liệu được kiểm tra, mã hóa, nhập và sẽ được phân tích bằng phần mềm SPSS 20.

3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được thông qua theo quyết định số 145/GCT-HĐDD ngày 12/5/2023 về việc chấp thuận các vấn đề đạo đức của nghiên cứu Y sinh học của Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y Sinh học Trường Đại học Trà Vinh. Tác giả cam kết không có xung đột lợi ích trong nghiên cứu.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Kết quả kiến thức và thái độ về phân loại CTRYT của đối tượng nghiên cứu

* *Kiến thức về phân loại CTRYT của đối tượng nghiên cứu*:

Bảng 1. Kiến thức của đối tượng nghiên cứu về phân loại CTRYT (n = 351).

Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Biết về CTRYT		
Có	303	86,3
Không	48	13,7
Biết về phân loại CTRYT		
Có	273	77,8
Không	78	22,2
Biết rõ về các loại CTRYT		
Chất thải lây nhiễm bao gồm	315	89,5
Chất thải nguy hại không lây nhiễm	309	87,7
Chất thải thông thường bao gồm	329	93,7
Kiến thức về túi đựng CTRYT		
Túi màu xanh đựng chất thải thông thường	324	92,3
Túi màu trắng đựng chất thải có thể tái chế	313	89,2
Túi màu vàng đựng chất thải lây nhiễm	310	88,3
Túi màu đen đựng chất thải nguy hại không lây nhiễm	255	72,6

Dựa trên kết quả khảo sát, 77,8% sinh viên biết về CTRYT và 77,8% biết tên và phân loại CTRYT. Nguồn thông tin chính về CTRYT đến từ nhà trường

(75,2%). Về kiến thức phân loại CTRYT, 89,5% sinh viên biết về chất thải lây nhiễm, 87,7% biết về chất thải nguy hại không lây nhiễm và 93,7% biết về chất thải thông thường. Về kiến thức về túi đựng chất thải, 92,3% sinh viên biết túi màu xanh dùng để đựng chất thải thông thường, 89,2% biết túi màu trắng dùng để đựng chất thải có thể tái chế, 88,3% biết túi màu vàng dùng để đựng chất thải lây nhiễm và 72,6% biết túi màu đen dùng để đựng chất thải nguy hại không lây nhiễm. Thái độ của đối tượng nghiên cứu về phân loại CTRYT. Sinh viên có kiến thức đạt chiếm 90% (317 sinh viên) và sinh viên có kiến thức không đạt chiếm 10% (34 sinh viên)

* Thái độ của sinh viên về phân loại CTRYT:

Bảng 2. Thái độ của đối tượng nghiên cứu về phân loại CTRYT.

Thái độ về phân loại CTRYT	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Việc phân loại CTRYT đúng và an toàn là vấn đề liên quan đến cả NVYT và sinh viên Y		
Tích cực	311	88,6
Không tích cực	40	11,4
CTRYT được phân loại không đúng cách có thể làm lây lan các bệnh truyền nhiễm		
Tích cực	333	94,9
Không tích cực	18	5,1
Việc dán nhãn các thùng chứa chất thải có rất nhiều tác dụng cho việc phân loại CTRYT		
Tích cực	334	95,2
Không tích cực	17	4,8
Việc mang thiết bị bảo hộ khi phân loại chất thải giúp giảm nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm		
Tích cực	336	95,7
Không tích cực	15	4,3

Kết quả của chúng tôi cho thấy, tỷ lệ sinh viên phát biểu “việc mang thiết bị bảo hộ khi phân loại chất thải giúp giảm nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm”, “Việc dán nhãn các thùng chứa chất thải có rất nhiều tác dụng cho việc phân loại

CTRYT”, “CTRYT được phân loại không đúng cách có thể làm lây lan các bệnh truyền nhiễm” có tỷ lệ sinh viên trả lời tích cực chiếm tỷ lệ cao lần lượt là 95,7% (336 sinh viên), 95,2% (334 sinh viên) và 94,9% (333 sinh viên). Sinh viên có thái độ tích cực đạt 95% (333 sinh viên) và sinh viên có thái độ không tích cực chiếm 5% (18 sinh viên).

2. Kết quả mối liên quan về kiến thức và thái độ về phân loại CTRYT của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3. Mối liên quan giữa các đặc điểm chung với kiến thức chung và thái độ về CTRYT của SVDD Trường Đại Học Trà Vinh (n = 351).

Các yếu tố	Kiến thức chung về CTRYT				Thái độ về CTRYT			
	Đạt n (%)	Không đạt n (%)	OR (95%CI)	p	Tích cực n (%)	Không tích cực n (%)	OR (95%CI)	p
Tuổi								
≤ 20	185 (88,5)	24 (11,5)	1,71 (0,79 - 3,70)	0,17	198 (94,7)	11 (5,3)	1,07 (0,41 - 2,83)	0,89
21 - 22	132 (93,0)	10 (7,0)			135 (95,1)	7 (4,9)		
Giới tính								
Nam	47 (81,0)	11 (19,0)	2,75 (1,26 - 6,01)	0,001	54 (93,1)	4 (9,6)	1,48 (0,47 - 4,66)	0,51
Nữ	270 (92,2)	23 (7,8)			279 (95,2)	14 (4,8)		
Dân tộc								
Kinh	236 (90,4)	25 (9,6)	1		248 (95,0)	13 (5,0)	1	
Khmer	72 (90,0)	8 (10,0)	0,95 (0,41 - 2,21)	0,91	76 (95,0)	4 (5,0)	0,99 (0,32 - 3,15)	0,99
Hoa	9 (90,0)	1 (10)	0,953 (0,12 - 7,84)	0,97	9 (90)	1 (10)	0,47 (0,06 - 4,01)	0,49

Các yếu tố	Kiến thức chung về CTRYT				Thái độ về CTRYT			
	Đạt n (%)	Không đạt n (%)	OR (95%CI)	p	Tích cực n (%)	Không tích cực n (%)	OR (95%CI)	p
Biết thông tư/ng nghị định về phân loại CTRYT								
Có	138 (90,2)	15 (9,8)	1,02 (0,50 - 2,09)	0,95	144 (94,1)	9 (5,9)	1,31 (0,51 - 3,39)	0,57
Không	179 (90,4)	19 (9,6)			189 (95,5)	9 (4,5)		
Biết về phân loại CTRYT								
Có	247 (90,5)	26 (9,5)	0,92 (0,399 - 2,12)	0,85	258 (94,5)	15 (5,5)	1,45 (0,41 - 5,16)	0,56
Không	70 (89,7)	8 (10,3)			75 (96,2)	3 (3,8)		
Biết về phân loại CTRYT từ bài giảng trong nhà trường								
Không	74 (85,1)	13 (14,9)	2,03 (0,97 - 4,26)	0,06	84 (96,6)	3 (3,4)	0,25 (0,07 - 0,92)	0,04
Có	243 (92,0)	21 (8,0)			249 (94,3)	15 (5,7)		

Về mối liên quan về kiến thức CTRYT của đối tượng nghiên cứu, dựa trên kết quả khảo sát, sinh viên thuộc nhóm tuổi 21 - 22 và sinh viên nữ có tỷ lệ kiến thức đạt về CTRYT (CTRYT) cao hơn. Sinh viên năm hai có tỷ lệ kiến thức đạt cao nhất (98,9%). Sinh viên thực tập tại Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Trà Vinh và Khoa Ngoại có tỷ lệ kiến thức đạt cao. Sinh viên có kiến thức

đạt về nghị định phân loại CTRYT và phân loại CTRYT từ bài giảng nhà trường cũng chiếm tỷ lệ cao. Tuy nhiên, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về kiến thức đạt giữa các nhóm tuổi, giữa sinh viên nam và nữ, giữa sinh viên dân tộc Kinh và dân tộc Khmer và Hoa, giữa sinh viên ở nhà thuê, nhà trọ và sinh viên ở với gia đình, ở ký túc xá, và giữa sinh viên các năm học khác nhau.

Về mối liên quan về thái độ phân loại CTRYT của đối tượng nghiên cứu, dựa trên kết quả khảo sát, sinh viên thuộc nhóm tuổi ≤ 20 và sinh viên nữ có thái độ tích cực về CTRYT cao hơn. Sinh viên năm hai có thái độ tích cực đạt cao nhất (96,8%). Sinh viên thực tập tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh và Khoa Ngoại có thái độ tích cực cao. Sinh viên có thái độ tích cực về nghị định phân loại CTRYT và phân loại CTRYT từ bài giảng nhà trường cũng chiếm tỷ lệ cao. Tuy nhiên, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về thái độ tích cực giữa các nhóm tuổi, giữa sinh viên nam và nữ, giữa sinh viên dân tộc Kinh và dân tộc Khmer và Hoa, giữa sinh viên ở nhà thuê, nhà trọ và sinh viên ở với gia đình, ở ký túc xá, và giữa sinh viên các năm học khác nhau.

BÀN LUẬN

1. Kiến thức và thái độ về phân loại CTRYT của SVĐD Trường Đại học Trà Vinh

Kết quả nghiên cứu để lại cho thấy sinh viên có kiến thức đạt 90,3% và sinh viên có kiến thức không đạt 9,7%. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Trần Quỳnh Anh và CS [2] với tỷ lệ kiến thức đạt 45,8% và cao hơn nghiên cứu của tác giả Phạm Thị Hoàng Anh (2015) trên đối tượng sinh

viên Y học dự phòng tại trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh và so với nghiên cứu của tác giả Bhagawati G với tỷ lệ kiến thức 47% [1]. Về phân loại CTRYT là chất thải phát sinh từ cơ sở y tế chiếm 82,1%. Về chất thải nguy hại không lây nhiễm là 87,7% cao hơn so với nghiên cứu của nhóm tác giả Ozlem Tpluk (72,9%) [7]. Kiến thức đạt về chất thải nguy hại không lây nhiễm gồm hóa chất thải bỏ hoặc có thành phần nguy hại và dược phẩm thải bỏ chiếm số đông (67,8%), kết quả này cao hơn nghiên cứu của nhóm tác giả Trần Quỳnh Anh và CS với tỷ lệ kiến thức đạt 35,2% [2]. Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đạt chất thải thông thường gồm chất thải rắn sinh hoạt của con người là 93,7%, cao hơn nghiên cứu của nhóm tác giả Ozlem Tpluk (85%) [7] và nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Bằng (78,1%) [5].

Phát biểu “Việc phân loại CTRYT đúng và an toàn là vấn đề liên quan đến cả nhân viên y tế và sinh viên Y” có tỷ lệ sinh viên trả lời không đồng ý chiếm 7,2%, phân vân chiếm 4,3%, và tỷ lệ sinh viên trả lời đồng ý chiếm 88,6% (311 sinh viên). Kết quả cho thấy nghiên cứu của chúng tôi có tỷ lệ cao hơn của tác giả Trần Quỳnh Anh [2] trên đối tượng nghiên cứu sinh viên

năm 3 và năm 5 phần lớn sinh viên có thái độ tốt về phân loại CTRYT; có 94,7% tỷ lệ sinh viên đồng ý với việc “phân loại CTRYT đúng và an toàn là vấn đề liên quan đến cả nhân viên y tế và sinh viên y”; 93,6% sinh viên đồng ý với “CTRYT được phân loại không đúng cách có thể làm lây lan các bệnh truyền nhiễm”; và 92,7% sinh viên đồng ý với “việc dán nhãn các thùng chứa chất thải có nhiều tác dụng cho việc phân loại CTRYT.

2. Mối liên quan giữa đặc điểm của nhóm nghiên cứu với kiến thức và thái độ về phân loại CTRYT

Kiến thức về phân loại CTRYT là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc thực hiện các biện pháp quản lý và xử lý CTRYT một cách an toàn và hiệu quả. Nghiên cứu này nhằm mục đích khảo sát mối liên quan giữa các đặc điểm chung của SVĐD với kiến thức về phân loại CTRYT. Dựa trên kết quả khảo sát, có thể thấy rằng một số đặc điểm chung có ảnh hưởng tích cực đến kiến thức về phân loại CTRYT của SVĐD, bao gồm: Nhóm tuổi 21 - 22, giới tính nữ, năm học thứ hai, nơi thực tập và nguồn thông tin về phân loại CTRYT. Những đặc điểm này có thể phản ánh mức độ nhận thức, quan tâm và học tập của SVĐD đối với vấn đề CTRYT. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng

chỉ ra rằng không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về kiến thức với phân loại CTRYT giữa các nhóm sinh viên theo các tiêu chí khác nhau như nhóm tuổi, giới tính, dân tộc, nơi ở và năm học. Điều này cho thấy rằng kiến thức về phân loại CTRYT của SVĐD không phụ thuộc nhiều vào các đặc điểm chung mà còn bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác, như chất lượng giáo dục, phương pháp giảng dạy, tài liệu tham khảo, điều kiện thực hành và các quy định pháp luật. Do đó, để nâng cao kiến thức về phân loại CTRYT của SVĐD, cần có sự kết hợp giữa việc cung cấp các thông tin khoa học, tăng cường các hoạt động giáo dục, đào tạo và tập huấn, cải thiện các điều kiện và thiết bị thực hành, và thực hiện các biện pháp giám sát, đánh giá và khuyến khích.

Kết quả nghiên cứu này đã làm mô tả mối liên hệ giữa thái độ về phân loại CTRYT và các đặc điểm chung của SVĐD. Kết quả cho thấy rằng các yếu tố như tuổi, giới tính, năm học, nơi thực tập, và nguồn thông tin đều có ảnh hưởng đến thái độ của SVĐD đối với việc phân loại CTRYT. Điều này phản ánh mức độ nhận thức và trách nhiệm của SVĐD trong việc quản lý CTRYT. Mặc dù vậy, không có sự khác biệt đáng kể về thái độ giữa các nhóm SVĐD dựa trên các tiêu chí như tuổi tác, giới tính, dân tộc, nơi ở, và

năm học. Điều này cho thấy thái độ về phân loại CTRYT không chỉ bị ảnh hưởng bởi các đặc điểm chung mà còn bởi các yếu tố khác như kiến thức, kỹ năng, thái độ của người hướng dẫn, môi trường làm việc, và chính sách quản lý.

Để cải thiện thái độ về phân loại CTRYT, cần phải có một chiến lược đa diện. Việc cung cấp thông tin khoa học và tăng cường giáo dục là cần thiết để nâng cao nhận thức. Bên cạnh đó, việc cải thiện điều kiện làm việc và trang thiết bị sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hành phân loại CTRYT một cách an toàn và hiệu quả. Cuối cùng, việc thực hiện các biện pháp giám sát và đánh giá cũng như khuyến khích từ phía cơ quan quản lý sẽ góp phần tạo động lực và tăng cường trách nhiệm cho SVĐD trong việc phân loại CTRYT. Như vậy, thông qua việc kết hợp các biện pháp trên, có thể kỳ vọng vào sự cải thiện đáng kể trong thái độ và hành vi của SVĐD đối với việc phân loại CTRYT, từ đó đóng góp vào việc quản lý và xử lý CTRYT một cách bền vững và hiệu quả hơn trong tương lai.

KẾT LUẬN

Dựa trên kết quả khảo sát 351 SVĐD trường Đại học Trà Vinh, chúng tôi kết luận về kiến thức, thái độ của sinh viên trong việc như sau: Phân loại CTRYT: Đa số sinh viên có kiến

thức đạt về phân loại CTRYT (90,3%), thái độ tích cực (94,9%). Những kết quả này cung cấp cái nhìn sâu sắc về hiểu biết và thực hành của SVĐD về phân loại CTRYT, đồng thời chỉ ra những yếu tố có thể ảnh hưởng đến kiến thức, thái độ và thực hành của họ. Điều này có thể giúp trong việc phát triển các chương trình giáo dục và đào tạo hiệu quả hơn về quản lý CTRYT trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Hoàng Anh, Huỳnh Thị Hồng Trâm và Nguyễn Duy Phong. Tỷ lệ sinh viên Y học dự phòng. Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh có kiến thức và thực hành đúng về phân loại chất thải rắn y tế khi thực tập lâm sàng năm 2015. *Y học TP. Hồ Chí Minh*. 2016; 20(1):174-182.
2. Trần Quỳnh Anh, Lê Văn Hiệp và Nguyễn Thanh Hà. Kiến thức, thái độ, thực hành về phân loại chất thải rắn y tế của sinh viên y khoa. *Tạp chí Nghiên cứu Y học*. 2022; 151(3):200-208.
3. Bộ Y tế. Tài liệu quản lý chất thải y tế (Dành cho kỹ sư, nhân viên quản lý, xử lý chất thải y tế). Sở Y tế Bình Định, chủ biên, Bình Định. 2022.
4. Trần Thị Mai Liên và CS. Thực trạng quản lý chất thải y tế của các trạm y tế tại huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023; 526(2).

5. Lê Giang Linh. Kiến thức, thực hành và thực trạng về quản lý chất thải rắn y tế và một số yếu tố liên quan tại bệnh viện tâm thần tỉnh vĩnh phúc năm 2018. Viện Đào tạo Y học Dự phòng và Y tế Công cộng. Trường Đại học Y Hà Nội. 2019.

6. Nguyễn Văn Bằng và CS. Nghiên cứu thực trạng quản lý chất thải rắn y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng năm 2021. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2021; 512(2).

7. Trần Thị Minh Tâm và Lưu Minh Châu. Thực trạng kiến thức và thực hành phân loại chất thải rắn y tế của điều dưỡng tại các khoa lâm sàng, Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn năm 2015. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2017; 459(2):111-116.

8. Ozlem TOLUK và CS. Evaluation of Nursing Students' medical waste knowledge level. *Journal of Nursing Science*. 2021; 4(2):52-58.